

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT LAI CHÂU

Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lai Châu (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lai Châu được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết Lai Châu theo quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 6200000456 ngày 15/07/2009.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh các loại hình vé xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh các loại hình thương mại dịch vụ tổng hợp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 8 đến trang 9.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban giám đốc trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|----------------------|---|--------------|
| Ông Phạm Huy Châu | : | Giám đốc |
| Ông Đỗ Huy Lương | : | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hữu Thắng | : | Phó Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc Gia (NAFICO) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LAI CHÂU

Địa chỉ: Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

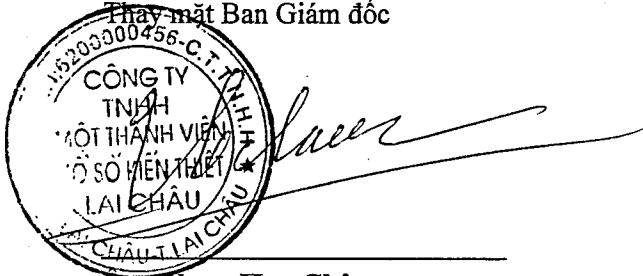
Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Phạm Huy Châu
Giám đốc

Lai Châu, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Số: 145/2018/NAFICO/BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lai Châu**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc gia (NAFICO), đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Lai Châu (sau đây gọi là "Công ty") được lập tại ngày 10/03/2018, từ trang 06 đến trang 22 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết Lai Châu ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Hương
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán
Số đăng ký: 1990-2013-233-1

Nguyễn Thị Huệ
Kiểm toán viên đã đăng ký
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán
Số đăng ký: 3785-2017-233-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		36.509.160.031	30.906.389.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.912.611.941	18.979.974.924
1. Tiền	111	V.1	13.912.611.941	18.979.974.924
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.241.504.610	11.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	21.241.504.610	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.667.870	426.623.417
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	222.267.350	143.331.750
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	551.400.520	283.291.667
IV. Hàng tồn kho	140		387.436.808	427.537.656
1. Hàng tồn kho	141	V.5	387.436.808	427.537.656
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193.938.802	72.253.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	193.938.802	36.693.749
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	-	35.560.000
B. Tài sản dài hạn	200		9.907.326.359	9.788.558.881
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.469.609.208	9.771.557.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.431.275.875	9.634.536.920
- Nguyên giá	222		13.840.490.116	13.659.715.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.409.214.241)	(4.025.178.196)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	38.333.333	137.020.833
- Nguyên giá	228		236.500.000	236.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(198.166.667)	(99.479.167)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		437.717.151	17.001.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	437.717.151	17.001.128
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.416.486.390	40.694.948.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)
tại ngày 31/12/2017

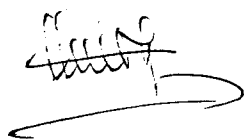
Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	300		24.124.735.789	19.260.544.671
I. Nợ ngắn hạn	310		23.414.389.736	18.673.173.208
2. Phải trả người bán	312	V.11	1.262.075.150	207.041.000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	2.560.525.543	1.395.782.394
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	3.057.684.352	2.316.940.910
5. Phải trả người lao động	315		2.168.782.492	1.279.836.196
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.14	273.144.113	96.344.955
11. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		12.408.992.500	12.408.992.500
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.683.185.586	968.235.253
II. Nợ dài hạn	330		710.346.053	587.371.463
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.15	710.346.053	587.371.463
B. Vốn chủ sở hữu	400		22.291.750.601	21.434.403.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	22.291.750.601	21.434.403.956
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.133.715.738	20.133.715.738
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.158.034.863	1.300.688.218
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.416.486.390	40.694.948.627

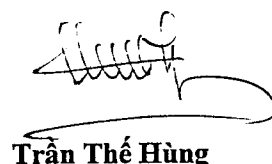
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia		-	-
3. Vé xổ số nhận bán hộ.		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		-	-
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		-	-
7. Ngoại tệ các loại		-	-
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		222.267.350	143.331.750

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thế Hùng



Phạm Thị Châu

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

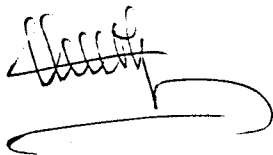
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu (01 = 01.1 + 01.2)	01	VI.1	111.677.531.818	112.809.022.729
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		111.677.531.818	112.809.022.729
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		5.901.999.999	5.544.490.908
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		-	-
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		126.286.365	121.040.910
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		105.649.245.454	107.143.490.911
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5		-	-
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		-	-
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	14.566.634.585	14.714.220.356
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		14.566.634.585	14.714.220.356
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		769.826.088	723.194.465
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		-	-
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		16.472.135	15.787.946
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		13.780.336.362	13.975.237.945
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5		-	-
2.2. Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		-	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.1	97.110.897.233	98.094.802.373
3.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	10.1		97.110.897.233	98.094.802.373
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		5.132.173.911	4.821.296.443
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		-	-
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		109.814.230	105.252.964
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		91.868.909.092	93.168.252.966
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5		-	-
3.2. Doanh thu kinh doanh khác	10.2		-	-
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.2	85.025.210.199	87.644.876.926
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		85.025.210.199	87.644.876.926
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		69.889.757.416	71.448.255.043
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		15.135.452.783	16.196.621.883

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

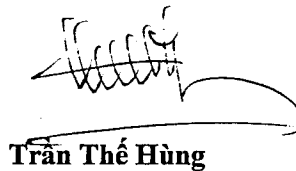
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.085.687.034	10.449.925.447
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		12.085.687.034	10.449.925.447
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.088.277.083	939.644.086
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	10.426.843.265	9.794.111.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.747.120.852	1.595.457.931
11. Thu nhập khác	31		11.535.449	26.508.089
12. Chi phí khác	32		1.035.495	4.603.450
13. Lợi nhuận khác	40		10.499.954	21.904.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.757.620.806	1.617.362.570
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	551.524.161	324.393.204
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.206.096.645	1.292.969.366

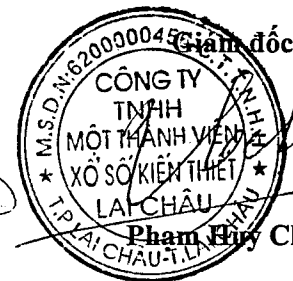
Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thế Hùng



Phạm Huy Châu

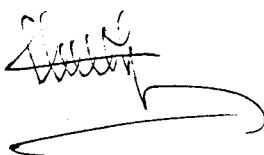
Ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

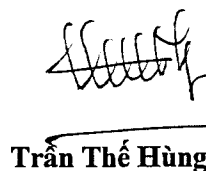
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		107.958.317.255	106.365.962.970
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.676.380.742)	(2.126.379.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.486.804.759)	(6.378.372.416)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(173.698.950)	(348.975.038)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.298.630.628	6.198.507.022
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(102.278.915.035)	(104.291.080.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.641.148.397	(580.337.497)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(118.175.000)	(80.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(18.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ	24		8.000.000.000	21.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		409.663.620	656.352.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.708.511.380)	10.576.352.419
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.067.362.983)	9.996.014.922
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	18.979.974.924	8.983.960.002
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.912.611.941	18.979.974.924

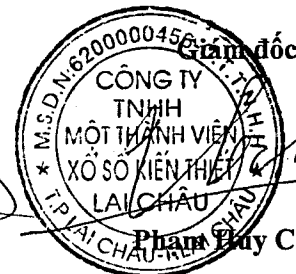
Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thế Hùng



Phạm Duy Châu

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lai Châu được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết Lai Châu theo quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 6200000456 ngày 15/07/2009.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh các loại hình vé xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh các loại hình thương mại dịch vụ tổng hợp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014, thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty xổ số kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

3.2. Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất dở dang chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ước tính cho các sản phẩm dở dang. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4.2. Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Tỷ lệ khấu hao của các tài sản cố định của Công ty áp dụng cho năm 2017 như sau:

- Tài sản cố định hữu hình:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lí	3 - 10 năm

- Tài sản cố định vô hình:

Website	2 năm
Phần mềm kế toán	2 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

5.1. Chi phí trả trước

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

5.2. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

6. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán (nếu có) bao gồm: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ-các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, sẽ kết chuyển vào chi phí đầu tư khi hoạt động đầu tư XDCB hoàn thành. Và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

7.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

7.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

7.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

V.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	105.394.335	93.669.805
Tiền gửi ngân hàng	13.807.217.606	18.886.305.119
Ngân hàng Agribank	989.871.355	512.542.210
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.509.171.799	10.737.742.118
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.308.174.452	7.636.020.791
Cộng	<u>13.912.611.941</u>	<u>18.979.974.924</u>

V.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	21.241.504.610	11.000.000.000
Cộng	<u>21.241.504.610</u>	<u>11.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

V.3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đại lý vé xổ số	222.267.350	143.331.750
Cộng	222.267.350	143.331.750

V.4 PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng tạm tính	551.400.520	283.291.667
Cộng	551.400.520	283.291.667

V.5 HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	60.800.000	-
Vé xổ số kiến thiết	238.078.078	390.801.290
Công cụ, dụng cụ	88.558.730	36.736.366
Cộng giá gốc hàng tồn kho	387.436.808	427.537.656

V.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	193.938.802	36.693.749
Cộng	193.938.802	36.693.749

V.7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	-	35.560.000
Cộng	-	35.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

V.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Vườn cây lâu năm	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản có định khác	Cộng
I	Nguyên giá						
1	Số đầu năm	10.680.259.014	370.094.667	1.363.027.946	593.080.451	653.253.038	13.659.715.116
2	Tăng trong năm	62.600.000	-	-	72.175.000	46.000.000	180.775.000
	<i>Mua sắm</i>	62.600.000	-	-	72.175.000	46.000.000	180.775.000
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4	Số cuối năm	10.742.859.014	370.094.667	1.363.027.946	665.255.451	699.253.038	13.840.490.116
II	Hao mòn lũy kế						
1	Số đầu năm	1.791.331.940	342.099.031	830.248.547	517.277.418	544.221.260	4.025.178.196
2	Tăng trong năm	219.293.271	25.882.554	94.019.894	21.272.730	23.567.596	384.036.045
	<i>Trích khấu hao</i>	219.293.271	25.882.554	94.019.894	21.272.730	23.567.596	384.036.045
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4	Số cuối năm	2.010.625.211	367.981.585	924.268.441	538.550.148	567.788.856	4.409.214.241
III	Giá trị còn lại						
1	Số đầu năm	8.888.927.074	27.995.636	532.779.399	75.803.033	109.031.778	9.634.536.920
2	Số cuối năm	8.732.233.803	2.113.082	438.759.505	126.705.303	131.464.182	9.431.275.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

V.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

TT	Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Website	Cộng
I Nguyên giá				
1	Số đầu năm	175.000.000	61.500.000	236.500.000
2	Tăng trong năm	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-
4	Số cuối năm	175.000.000	61.500.000	236.500.000
II Hao mòn lũy kế				
1	Số đầu năm	61.041.667	38.437.500	99.479.167
2	Tăng trong năm	75.625.000	23.062.500	98.687.500
	<i>Trích khấu hao</i>	75.625.000	23.062.500	98.687.500
3	Giảm trong năm	-	-	-
4	Số cuối năm	136.666.667	61.500.000	198.166.667
III Giá trị còn lại				
1	Số đầu năm	113.958.333	23.062.500	137.020.833
2	Số cuối năm	38.333.333	-	38.333.333

V.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	437.717.151	17.001.128
Cộng	437.717.151	17.001.128

V.11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cửa hàng may Phạm Thị Lành	458.000.000	-
Công ty CP Tư vấn và Thiết kế Cơ điện lạnh Hà Nội	23.341.000	23.341.000
Công ty xổ số Hòa Bình	288.200.000	183.700.000
Cty CP xây dựng và dịch vụ thương mại Việt Hùng	420.055.500	-
Các đối tượng khác	72.478.650	-
Cộng	1.262.075.150	207.041.000

V.12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đại lý vé xổ số	2.560.525.543	1.395.782.394
Cộng	2.560.525.543	1.395.782.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

V. 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	980.467.701	980.678.521
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.371.692.490	1.306.563.439
Thuế thu nhập cá nhân	304.000.000	6.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.524.161	23.698.950
Cộng	<u>3.057.684.352</u>	<u>2.316.940.910</u>

V. 14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Hội đồng XSKT Miền Bắc	152.829.113	3.944.955
Phải trả khác	120.315.000	92.400.000
Cộng	<u>273.144.113</u>	<u>96.344.955</u>

V. 15 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn của đại lý	710.346.053	587.371.463
Cộng	<u>710.346.053</u>	<u>587.371.463</u>

V. 16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	20.133.715.738	1.300.688.218	-	21.434.403.956
Tăng trong năm nay	-	858.346.645	2.206.096.645	3.064.443.290
- Tăng quỹ trong năm	-	858.346.645	-	858.346.645
- Lãi trong năm	-	-	2.206.096.645	2.206.096.645
- Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm nay	-	1.000.000	2.206.096.645	2.207.096.645
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
- Sử dụng	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	2.206.096.645	2.206.096.645
- Giảm khác	-	1.000.000	-	1.000.000
Số dư cuối năm nay	<u>20.133.715.738</u>	<u>2.158.034.863</u>	<u>-</u>	<u>22.291.750.601</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

VI.1 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	111.677.531.818	112.809.022.729
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu xổ số truyền thống</i>	5.901.999.999	5.544.490.908
<i>Doanh thu xổ số bốc</i>	126.286.365	121.040.910
<i>Doanh thu xổ số lô tô</i>	105.649.245.454	107.143.490.911
<i>Doanh thu khác</i>	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	14.566.634.585	14.714.220.356
<i>Xổ số truyền thống</i>	769.826.088	723.194.465
<i>Xổ số bốc</i>	16.472.135	15.787.946
<i>Xổ số lô tô</i>	13.780.336.362	13.975.237.945
<i>Doanh thu khác</i>	-	-
Doanh thu thuần	97.110.897.233	98.094.802.373
<i>Xổ số truyền thống</i>	5.132.173.911	4.821.296.443
<i>Xổ số bốc</i>	109.814.230	105.252.964
<i>Xổ số lô tô</i>	91.868.909.092	93.168.252.966

VI.2 CHI PHÍ KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí trả thưởng	69.889.757.416	71.448.255.043
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	15.135.452.783	16.196.621.883
Cộng	85.025.210.199	87.644.876.926

VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	51.293.355	90.301.772
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.036.983.728	849.342.314
Cộng	1.088.277.083	939.644.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

VI. 4 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.934.211.194	6.837.171.720
Chi phí vật liệu quản lý	532.566.427	725.770.345
Chi phí khấu hao TSCĐ	480.806.878	482.901.210
Thuế, phí và lệ phí	219.540.000	219.028.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.926.526	160.706.758
Chi khác bằng tiền	2.084.792.240	1.368.533.569
Cộng	<u>10.426.843.265</u>	<u>9.794.111.602</u>

VI. 5 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.757.620.806	1.617.362.570
Các khoản điều chỉnh tăng	-	4.603.450
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	4.603.450
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	2.757.620.806	1.621.966.020
Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.757.620.806	1.621.966.020
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	<u>551.524.161</u>	<u>324.393.204</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>551.524.161</u>	<u>324.393.204</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(tiếp theo)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

VII.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

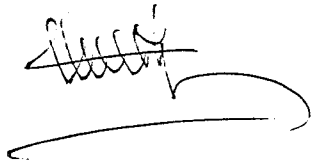
VII.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc gia.

VII.3 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

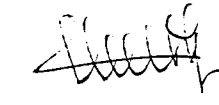
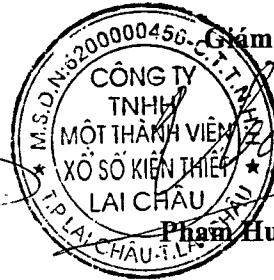
Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 10/03/2018.

Người lập biểu



Ngày 10 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng


Trần Thế Hùng

Giám đốc

Phạm Huy Châu